

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC NINH  
TỈNH BẮC NINH**

*Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 31/8/2020 về việc "Ly hôn".*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu H

**Hội thẩm nhân dân:** Ông Đào Đức P; bà Cao Thị C.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Hạp Thị Thu T - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên  
tòa:*** Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 234/2020/TLST-  
HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra  
xét xử số: 38/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 (Có mặt).

HKTT: Khu T phường K, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

HKTT: Khu T, phường K, thành phố B, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án,  
nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà chung sống với ông Nguyễn Văn C  
vào năm 1988 (không nhớ ngày, tháng), có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của  
địa phương nhưng do sơ xuất không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống cũng  
chưa đi đăng ký kết hôn. Cưới xong bà Hoa về nhà ông C làm ăn ngay, vợ chồng  
ở tại thôn T, xã K, huyện T, tỉnh B.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2015 thì phát sinh  
mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách sống, nhận thức của hai vợ chồng khác nhau  
về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên nảy sinh xô sát không hạnh  
phúc. Tháng 7/2015 bà H có làm đơn xin ly hôn ông C, sau nghĩ thương con nên  
bà rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án thành phố B đã ra Quyết định đình  
chỉ số 63 ngày 13/8/2015. Sau khi rút đơn tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C

không được cải thiện, vợ chồng hay xảy ra to tiếng xô sát, cãi nhau, vì lý do này bà không chịu đựng được cảnh sống như vậy nên dọn ra ngoài thuê trọ, chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân với ông C từ tháng 7/2015 cho đến nay. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 30/7/1988 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 28/6/1991, hiện 02 con chung đã trưởng thành không đề cập giải quyết.

Tài sản chung: Không đề nghị giải quyết;

Về công nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phía bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:* Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông từ chối không ký biên bản giao của Tòa, ông xác nhận lời trình bày của bà H về thời gian giữa ông và bà H chung sống cùng nhau từ năm 1988, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng do so suất nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống cũng chưa đi đăng ký kết hôn. Ông C cho rằng năm 2015 bà H làm đơn xin ly hôn, ông đã đến Tòa làm việc, ký biên bản coi như đã xong nay bà H lại làm đơn xin ly hôn đó là việc của bà H, ông không liên quan. Ông thừa nhận từ năm 2015 cho đến nay giữa ông và bà H sống ly thân mỗi người một nơi, ông hiện cư trú tại khu T, phường K, thành phố B còn bà H thuê trọ bên ngoài và ông không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án trực tiếp làm việc với ông C, giải thích cho ông C biết năm 2015 bà H làm đơn xin ly hôn, sau đó bà xin rút đơn khởi kiện nên Tòa án đình chỉ vụ án, nay bà H làm đơn xin ly hôn ông được Tòa án thụ lý mới và đang trong quá trình giải quyết đây là vụ án khác. Tòa án giao các văn bản tố tụng, lấy lời khai của ông về mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông từ chối không nhận văn bản, không ký biên bản giao của Tòa án. Ông C thừa nhận giữa ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1988, quá trình chung sống cũng chưa đi đăng ký kết hôn. Nay bà H làm đơn xin ly hôn, ông không đến Tòa án làm việc và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 30/7/1988 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 28/6/1991, hiện 02 con chung đã trưởng thành ông không có quan điểm về con chung.

Tài sản chung: Không đề nghị giải quyết;

Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông C. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 30/7/1988 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 28/6/1991, hiện 02 con chung đã trưởng thành không đề cập giải quyết; Tài

sản chung: Không đề nghị giải quyết; Về công nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Cả Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng; Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 30/7/1988 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 28/6/1991, hiện 02 con chung đã trưởng thành, không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về công nợ: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/8/2020 phiên tòa được mở vào ngày 21/8/2020, tại phiên tòa này ông C vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử tiếp theo là ngày 31/8/2020. Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho ông Cường nhưng tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt, đây là lần vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Cường.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau từ năm 1988, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, do sơ suất ông, bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống từ năm 1988 đến nay ông bà vẫn chưa đi đăng ký kết hôn, như vậy ông bà không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1, điều 9; khoản 1, điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng”*. Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-

VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình: Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Bởi vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C không được pháp luật thừa nhận, bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 30/7/1988 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 28/6/1991, hiện 02 con chung đã trưởng thành, không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 146, 147, 204, 220, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 30/7/1988 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 28/6/1991, hiện 02 con chung đã trưởng thành, không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (Được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số

AA/2019/0000349, ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh). Xác nhận bà H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, CCTHADS thành phố Bắc Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà**

*Nguyễn Thị Thu Hồng*